

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-PT

Ngày 29 tháng 6 năm 2022

*“V/v Chia tài sản chung của vợ chồng
sau khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Anh Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn

Ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vinh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐ - PT ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị A, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vinh Phúc.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vinh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lâm Văn O và Luật sư Nguyễn Thị T - Công ty Luật W, Đoàn Luật sư tỉnh Vinh Phúc; địa chỉ: Phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (Có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1955 (Có mặt).

- Bà Phan Thị C, sinh năm 1961 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Th là bà Phan Thị C (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th và bà C: Luật sư Lâm Văn O và Luật sư Nguyễn Thị T - Công ty Luật TNHH Hùng Phúc, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

Người kháng cáo: Anh Vũ Văn Đ, ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh Vũ Văn Đ là vợ chồng nhưng đã được Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 05/2020/HNGĐ- ST ngày 21 tháng 5 năm 2020, nhưng chị và anh Đ chưa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết phân chia tài sản chung của chị và anh Vũ Văn Đ gồm những tài sản sau:

- Diện tích 150m² đất tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00946. Nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ anh Đ là ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C cho. Quá trình chung sống chị và anh Đ đã chuyển nhượng 150m² đất trong đó có 100m² đất trồng cây lâu năm, 50m² đất thổ cư cho anh Lưu Văn X vào ngày 18/01/2011; tuy nhiên do trong đơn khởi kiện đánh máy có sự nhầm lẫn nên chị vẫn đề nghị chia 300m² đất nên ngày 20 tháng 10 năm 2020 chị đã sửa đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị chia 150m² đất tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- 01 nhà hai tầng xây năm 2016. Tổng chi phí xây nhà là 500.000.000đồng, nguồn tiền là: Tiền vay 200.000.000đồng anh chị vay tại Ngân hàng Công thương chi nhánh huyện B nay đã trả được hết tiền cho ngân hàng; Số tiền đền bù đất ruộng tại thôn N là 100.000.000đồng; số tiền bố mẹ chị A cho vay là 200.000.000đồng.

- 02 gian nhà trọ cho thuê: Là tiền chị A làm ăn tích góp để mua vật liệu và được bố chị và các bác bên nhà ngoại xây hộ không lấy tiền công;

Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân, anh chị còn 01 xe máy Honda Airblade màu đen đỏ, biển số 88G1-324.09, chủ xe đứng tên anh Vũ Văn Đ và 01 xe máy Honda Wave màu trắng đen, biển số 88G1-094.34, chủ xe đứng tên chị Phan Thị A. Nguồn tiền là của hai vợ chồng tích góp được. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh Đ tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án phân chia

tài sản này.

Quá trình giải quyết vụ án, chị A còn yêu cầu chia đôi với số tiền thuê phòng trọ của anh chị là 1.500.000đồng/tháng tính từ tháng 9/2019 đến nay (Anh Đ đã thu), nhưng sau đó chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền này.

Về công nợ: Chị A xác nhận chị và anh Đ khi còn là vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 12.000.000đồng theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; ngày 25/10/2021 chị A đã trả 12.000.000đồng tiền gốc và lãi định kỳ theo hàng tháng, nay chị đề nghị công nợ này chia đôi, anh Đ phải có trách nhiệm trả số nợ này cùng chị là 6.000.000đồng tiền gốc, chị không yêu cầu tính lãi, anh Đ cũng đồng ý thanh toán trả cho chị A 6.000.000đồng số tiền vay này. Ngoài ra, ngày 26 tháng 9 năm 2016 chị và anh Đ có vay của Ngân hàng R số tiền 200.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 16.36.0094/2016-HĐTD/NHCT262 ngày 26 tháng 9 năm 2016, chị và anh Đ đã trả được một phần tiền gốc và lãi. Còn lại 67.563.087đồng tiền gốc và lãi khi anh chị sống ly thân ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị Chanh đã trả cho anh chị để tất toán khoản vay trên thì chị đồng ý trả một nửa số tiền trên cho ông Th và bà C còn lại một nửa anh Đ có trách nhiệm phải trả.

Bị đơn là anh Vũ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Phan Thị A đã có thời gian là vợ chồng như chị A trình bày là đúng, nhưng anh và chị A chưa giải quyết về tài sản. Nay chị A có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị A vì:

Nguồn gốc diện tích 300m² đất, tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00946 là của bố mẹ anh là ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị Chanh cho anh vào năm 2007. Quá trình chung sống và sử dụng đất ngày 18/01/2011 vợ chồng anh đã chuyển nhượng 150m² trong đó có 100m² đất trồng cây lâu năm, 50m² đất thổ cư cho anh Lưu Văn X (Anh X hiện nay đã bán cho người khác). Khi bố mẹ anh cho đất chỉ có căn nhà nhỏ 02 gian. Năm 2016, anh và chị A đập bỏ và xây nhà hai tầng, diện tích sử dụng là 150m², nguồn tiền xây dựng là tiền vay của Ngân hàng R số tiền 200.000.000đồng; số tiền đền bù đất ruộng tại thôn N theo tiêu chuẩn của anh Đ là 100.000.000đồng; số tiền bố mẹ anh cho để làm nhà là 200.000.000đồng. Tổng số tiền xây nhà hết 500.000.000đồng.

Ngoài ra, anh chị còn 01 xe máy Honda Airblade màu đen đỏ, biển số 88G1-324.09, chủ xe đứng tên anh Vũ Văn Đ, nguồn tiền là của hai vợ chồng tích góp được, và 01 xe máy Honda Wave màu trắng đen, biển số 88G1-094.34, chủ xe đứng tên chị Phan Thị A nguồn tiền là do mẹ anh (bà C) cho chị A vay để mua. Tuy nhiên, anh Đ có quan điểm là anh và chị A tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án phân chia tài sản này.

Nay chị A có đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng theo quy định pháp luật, quan điểm của anh là: Anh không đồng ý chia đất vì đất là của bố mẹ anh cho anh, còn về tài sản khác thì cần phải xem xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung để chia cho anh nhiều hơn vì nguồn gốc tài sản là do bố mẹ anh cho nhiều. Anh có nguyện vọng sử dụng tài sản bằng hiện vật, còn lại thanh toán chênh lệch tài sản cho chị A.

Trong bản tự khai anh Đ có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn là: 01 cửa hàng mỹ phẩm hiện chị A đang quản lý có giá trị là 300.000.000đồng, nguồn tiền là do anh và chị A vay của Hội nông dân 40.000.000đồng và Hội phụ nữ 50.000.000đồng và bố mẹ anh cho. Tại buổi hòa giải và phiên tòa anh Đ không yêu cầu chia số tài sản trên trong vụ án này nữa.

Đối với số tiền cho thuê phòng trọ từ tháng 9/2019 đến nay là 1.500.000đồng/tháng, anh là người thu và tiêu (Phòng trọ không phải lúc nào cũng có người thuê, cụ thể tháng nào không có người thuê anh cũng không nhớ), không liên quan gì đến bố mẹ anh, nay chị A không yêu cầu đề nghị chia tiền cho thuê nhà trọ nữa anh cũng đồng ý.

Về công nợ: Anh xác nhận anh và chị A khi còn là vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện B 12.000.000đồng theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; ngày 25/10/2021 chị A đã trả 12.000.000đồng tiền gốc và lãi định kỳ theo hàng tháng, nay chị A đề nghị công nợ này chia đôi, anh cũng đồng ý thanh toán trả cho chị A 6.000.000đồng số tiền vay này.

Ngoài ra, ngày 26 tháng 9 năm 2016 anh và chị A có vay của Ngân hàng R số tiền 200.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 16.36.0094/2016-HĐTD/NHCT262 ngày 26 tháng 9 năm 2016, anh và chị A đã trả được một phần tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, còn lại 67.563.087đồng tiền gốc và lãi khi anh chị sống ly thân ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C đã trả cho anh chị và thực hiện xong nghĩa vụ đối với ngân hàng. Anh đồng ý trả một nửa số tiền trên cho ông Th và bà C còn lại một nửa chị A phải có trách nhiệm phải trả.

Bà Phan Thị C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn Th trình bày:

Bà đồng ý với ý kiến của anh Đ đã trình bày ở trên. Về số tiền anh Đ và chị A xây dựng căn nhà hai tầng, vợ chồng bà có cho anh chị 250.000.000đồng

để làm nhà. Số tiền này bà chỉ cho khi anh chị là vợ chồng, khi cho không có giấy tờ gì, nay anh chị ly hôn bà không cho nữa, bà đề nghị anh chị A Đức phải trả cho bà, nhưng bà và ông Th không có đơn yêu cầu độc lập.

Số tiền anh Đ, chị A vay Ngân hàng Công thương là 200.000.000đồng, anh chị có trả một phần, khi chị A và anh Đ ly hôn, ông Vũ Văn Th là chồng bà có trực tiếp ra Ngân hàng trả cho anh Đ, chị A số tiền gốc và lãi là 67.563.087đồng. Bà đề nghị anh Đ, chị A phải trả cho vợ chồng bà số tiền 67.563.087đồng. Nhưng bà C và ông Th không có đơn yêu cầu độc lập.

Khi chị A mua xe máy Honda Wave màu trắng đen, biển số 88G1-094.34, chủ xe Phan Thị A, bà cho chị A vay 20.000.000đồng nhưng không có giấy tờ gì. Nếu vợ chồng còn sống với nhau thì bà sẽ cho số tiền này, nhưng nay ly hôn thì bà không cho nữa và đề nghị chị A phải trả lại cho bà số tiền này, bà C không có đơn yêu cầu độc lập.

Ngoài ra, khi chị A mở cửa hàng mỹ phẩm, chị A nhờ bà vay tiền của Ngân hàng chính sách số tiền 12.000.000đồng, nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Ông Th là người ký vào sổ vay tiền, nhận tiền nhưng sau đó đã đưa lại cho chị A, bà C đề nghị chị A phải trả cho bà số tiền này. Tuy nhiên tại phiên tòa bà có quan điểm chưa yêu cầu anh Đ và chị A phải trả cho bà ngay số tiền 12.000.000đồng vì Ngân hàng chính sách chưa yêu cầu bà phải trả. Khi nào Ngân hàng yêu cầu bà trả nợ thì bà sẽ khởi kiện sau.

Đối với số tiền cho thuê phòng trọ từ tháng 9/2019 đến nay là 1.500.000đồng/tháng, bà đồng ý thống nhất với ý kiến của anh Đ, ông bà không liên quan gì đến số tiền trên. Bà C không đồng ý với yêu cầu chia tài sản là nhà và đất của chị A.

Với nội dung như trên, tại bản án số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 02/12/2021, Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của chị Phan Thị A.

1. Chia cho anh Vũ Văn Đ được quyền sử dụng diện tích đất 184,4m² tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007. Tổng trị giá tài sản là Anh Vũ Văn Đ được hưởng là: 930.391.500đồng.

2. Anh Vũ Văn Đ phải thanh toán tiền chênh lệch tiền tài sản cho chị Phan Thị Ánh là 751.991.500đồng.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Phan Thị A và anh Vũ Văn Đ phải trả cho ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C số tiền: 67.563.087đồng. Mỗi anh chị phải trả 1/2 số tiền trên cho ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C là 33.781.543đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2021, anh Vũ Văn Đ kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận chia tài sản chung là diện tích đất, không đồng ý với giá trị ngôi nhà hai tầng và các tài sản trên đất mà Hội đồng định giá đưa ra và đề nghị Tòa án chia khoản nợ 12.000.000đồng vay của ngân hàng chính sách số tiền 250.000.000đồng mà ông bà cho anh Đ, chị A vay khi xây nhà; số tiền 100.000.000đồng tiền được đền bù ruộng.

Ngày 17/12/2021, ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận chia tài sản chung là diện tích đất và đề nghị Tòa án yêu cầu anh Đ và chị A trả khoản nợ 12.000.000đồng ông bà vay hộ của ngân hàng chính sách; số tiền 250.000.000đồng mà ông bà cho anh Đ, chị A vay khi xây nhà; số tiền 100.000.000đồng tiền được đền bù ruộng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Anh Vũ Văn Đ rút kháng cáo đề nghị Tòa án chia khoản nợ 12.000.000đồng vay của ngân hàng chính sách số tiền 250.000.000đồng mà ông bà cho anh Đ, chị A vay khi xây nhà; số tiền 100.000.000đồng tiền được đền bù ruộng.

Anh Vũ Văn Đ và chị Phan Thị A thỏa thuận được với nhau về các nội dung của vụ án và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án cụ thể như sau:

- Anh Vũ Văn Đ được quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất 184,4m² tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007 và toàn bộ tài sản trên đất. Tổng trị giá tài sản là 1.608.200.000đồng. Có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị A 634.118.000đồng.

- Anh Vũ Văn Đ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 67.563.000đồng cho ông Vũ Văn Th, bà Phan Thị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút toàn bộ nội dung kháng cáo, bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo. Xét việc thỏa thuận của các đương sự và việc rút đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của ông Th, bà C và một phần kháng cáo của anh Đ, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh Vũ Văn Đ, ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

Về nội dung:

[1] Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là “Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Phan Thị A và anh Vũ Văn Đ đã có thời gian là vợ chồng, đã được Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 05/2020/HNGĐ- ST ngày 21 tháng 5 năm 2020, nhưng chị A và anh Đ chưa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của chị và anh Đ, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo quy định là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Anh Đ rút kháng cáo đề nghị Tòa án chia khoản nợ 12.000.000đồng vay của ngân hàng chính sách số tiền 250.000.000đồng mà ông bà cho anh Đ, chị A vay khi xây nhà; số tiền 100.000.000đồng tiền được đền bù ruộng. Việc rút kháng cáo của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được việc giải quyết các nội dung của vụ án, cụ thể như sau:

- Anh Vũ Văn Đ được quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất 184,4m² tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007 và

toàn bộ tài sản trên đất. Tổng trị giá tài sản là 1.608.200.000đồng. Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị A là 634.118.000đồng.

- Anh Vũ Văn Đ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 67.563.000đồng cho ông Vũ Văn Th, bà Phan Thị C.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự trong vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Th, bà C và một phần kháng cáo của anh Đ, sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của đương sự và tính lại án phí theo quy định.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị A và anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 1.608.200.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chị A được chia là 634.118.000đồng. Chị A phải chịu án phí chia tài sản là 20.000.000đồng + 4% phần vượt quá 400.000.000đồng ($234.118.000đ \times 4\% = 9.364.720đ$), tổng án phí sơ thẩm chị A phải nộp là 29.364.720đồng (Làm tròn là 29.365.000đồng).

Tổng giá trị tài sản anh Đ được chia là 974.082.000đồng. Anh Đ phải chịu án phí chia tài sản là 36.000.000đ + 3% phần vượt quá 800.000.000đồng ($174.082.000đ \times 3\% = 5.222.460đ$), tổng án phí sơ thẩm anh Đ phải nộp là 41.222.460đồng (Làm tròn là 41.222.000đồng).

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị A và anh Đ thống nhất với nhau chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn xét xử sơ thẩm chị A tự nguyện chịu, còn chi phí định giá lại tài sản tại cấp phúc thẩm anh Đ tự nguyện chịu.

[7] Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Ông Vũ Văn Th, bà Phan Thị C là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 165, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của anh Vũ Văn Đ đề nghị Tòa án chia khoản nợ 12.000.000đồng vay của ngân hàng chính sách số tiền 250.000.000đồng mà ông bà cho anh Đ, chị A vay khi xây nhà; số tiền 100.000.000đồng tiền được đền bù ruộng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về những nội dung sau:

- Anh Vũ Văn Đ được quyền sở hữu và sử dụng diện tích đất 184,4m² tại thửa đất số 7¹, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 490157 đứng tên hộ ông Vũ Văn Đ, bà Phan Thị A do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/11/2007 và toàn bộ tài sản trên đất. Tổng trị giá tài sản là 1.608.200.000đồng. Anh Vũ Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị A 634.118.000đồng.

- Anh Vũ Văn Đ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 67.563.000đồng cho ông Vũ Văn Th, bà Phan Thị C.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Vũ Văn Đ không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị A phải chịu án phí phân chia tài sản là 29.365.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.800.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0009853 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị A còn phải nộp 20.565.000đồng. Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí phân chia tài sản là 41.222.000đồng.

Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003651 ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Vũ Văn Th và bà Phan Thị C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, hoàn trả lại ông Th, bà C số tiền 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003650 ngày 27/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Anh Cường